

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu trung tâm đô thị thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước và đường nối đường tránh thị trấn Cành Nàng đi tỉnh lộ 523D, huyện Bá Thước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 2850/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu trung tâm đô thị thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước và đường nối đường tránh thị trấn Cành Nàng đi tỉnh lộ 523D, huyện Bá Thước; số 2741/QĐ-UBND ngày 14/8/2025 điều chỉnh chủ đầu tư các dự án đầu tư công cấp huyện bàn giao về cấp tỉnh quản lý sau khi thực hiện tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh; số 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 phê duyệt điều chỉnh nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn 98 dự án do các ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực làm chủ đầu tư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 12217/TTr-SXD ngày 29/12/2025 về việc điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu trung tâm đô thị thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước và đường nối đường tránh thị trấn Cành Nàng đi tỉnh lộ 523D, huyện Bá Thước (Kèm theo báo cáo thẩm định số 12165 /SXD-HĐXD ngày 26/12/2025).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Cầu trung tâm đô thị thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước và đường nối đường tránh thị trấn Cành Nàng đi tỉnh lộ 523D, huyện Bá Thước với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án tại khoản 13 Điều 1 Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh: Từ “*năm 2022-2025*” thành “*Hoàn thành trong năm 2026*”.

2. Cập nhật lại thông tin về địa điểm xây dựng do thay đổi địa giới hành chính cấp xã tại khoản 8 Điều 1 Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh từ “*thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước*” thành “*xã Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa*”.

3. Bổ sung hệ thống điện chiếu sáng trong phạm vi các nút giao của dự án với Đường tỉnh 523D tại Km3+400 bên phải tuyến và ngã tư Quốc lộ 217 tại Km94+580 xã Bá Thước.

(chi tiết có hồ sơ thiết kế kèm theo).

4. Tổng mức đầu tư điều chỉnh (không vượt TMĐT đã được phê duyệt): **213.593.721.000 đồng** (*Hai trăm mười ba tỷ, năm trăm chín mươi ba triệu, bảy trăm hai mươi một nghìn đồng chẵn*); trong đó:

ĐVT: Đồng

TT	Hạng mục chi phí	TMĐT đã phê duyệt theo Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 22/8/2022	TMĐT sau điều chỉnh	Chênh lệch (tăng +, giảm -)
1	Bồi thường GPMB	49.316.000.000	49.316.000.000	0
2	Xây dựng	129.766.693.000	138.724.000.000	8.957.307.000
3	Quản lý dự án	1.669.089.000	1.704.000.000	34.911.000
4	Tư vấn đầu tư xây dựng	6.922.301.000	6.407.000.000	-515.301.000
5	Chi phí khác	2.769.740.000	4.502.000.000	1.732.260.000
6	Dự phòng	23.149.898.000	12.940.721.000	-10.209.177.000
	Cộng (làm tròn)	213.593.721.000	213.593.721.000	0

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo).

5. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo các Quyết định: số 2850/QĐ-UBND ngày 22/8/2022, số 2741/QĐ-UBND ngày 14/8/2025 và số 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Giao Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Bá Thước (Chủ đầu tư) tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về hoạt động đầu tư xây dựng; trong bước tiếp theo có trách nhiệm thực hiện đầy đủ kiến nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 12165/SXD-HĐXD ngày 26/12/2025.

- Chủ đầu tư, Sở Xây dựng, UBND xã Bá Thước theo chức năng nhiệm vụ được giao phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về tính chính xác, phù hợp theo quy định của pháp luật đối với số liệu, nội dung tham mưu, đề xuất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI; Chủ tịch UBND xã Bá Thước; Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Bá Thước và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN (V).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Dự án: Cầu trung tâm đô thị thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước
và đường nối đường tránh thị trấn Cành Nàng đi tỉnh lộ 523D, huyện Bá Thước
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

DVT: Đồng

TT	Hạng mục chi phí	Đã phê duyệt Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 22/8/2022	Giá trị sau điều chỉnh	Chênh lệch (tăng +, giảm -)
I	Chi phí bồi thường GPMB	49.316.000.000	49.316.000.000	
1	Đã thực hiện		28.222.092.000	
2	Còn lại đang thực hiện		21.093.908.000	
II	Chi phí xây dựng	129.766.693.000	138.724.000.000	8.957.307.000
1	Đã phê duyệt ban đầu	129.766.693.000	133.450.773.221	3.684.080.221
2	Bổ sung trong quá trình thi công		4.934.036.000	4.934.036.000
3	Bổ sung hạng mục điện chiếu sáng		339.152.000	339.152.000
III	Chi phí Quản lý dự án	1.669.089.000	1.704.000.000	34.911.000
IV	Chi phí tư vấn đầu tư XD	6.922.301.000	6.407.000.000	-515.301.000
1	Chi phí khảo sát, lập báo cáo NCKT	1.545.000.000	1.516.909.000	-28.091.000
2	Chi phí khảo sát bước thiết kế bản vẽ thi công	817.177.000	811.165.000	-6.012.000
3	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công	1.521.451.000	1.516.835.000	-4.616.000
4	Chi phí lập đề cương, nhiệm vụ khảo sát			
	Bước lập BC NCKT	27.518.000	27.518.000	
	Bước thiết kế BVTC	24.515.000	24.335.000	-180.000
5	Chi phí giám sát công tác khảo sát			
	Bước lập BC NCKT	37.351.000	37.351.000	
	Bước thiết kế BVTC	33.275.000	33.031.000	-244.000
6	Chi phí lập hồ sơ, cắm cọc GPMB	80.000.000	79.612.000	-388.000
7	Chi phí thẩm tra thiết kế	105.506.000	105.506.000	
8	Chi phí thẩm tra dự toán	102.431.000	102.431.000	
9	Chi phí giám sát			
	Giám sát thi công xây dựng	2.098.671.000	1.556.560.000	-542.111.000
	Giám sát thi công RPB, vật nổ	7.448.000	7.447.597	-403
10	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT			
	Gói thầu lựa chọn nhà thầu Khảo sát, lập báo cáo NCKT	11.903.000	11.903.000	
	Gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)	100.000.000	100.000.000	
	Các gói thầu tư vấn (BVTC, tư vấn giám sát, kiểm toán)	36.208.000	36.208.000	

TT	Hạng mục chi phí	Đã phê duyệt Quyết định số 2850/QĐ- UBND ngày 22/8/2022	Giá trị sau điều chỉnh	Chênh lệch (tăng +, giảm -)
11	Phí thẩm định HSMT và KQ LCNT			
	<i>Gói thầu lựa chọn nhà thầu Khảo sát, lập báo cáo NCKT</i>	5.000.000	5.000.000	
	<i>Gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)</i>	100.000.000	100.000.000	
	<i>Các gói thầu tư vấn (tư vấn KS-TK BVTC, tư vấn giám sát, kiểm toán)</i>	4.109.000	4.109.000	
12	Khảo sát, lập phương án, báo cáo khảo sát rà phá bom mìn, vật nổ,..	27.390.000	27.390.000	
13	Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	237.348.000	237.348.000	
14	Chi phí thiết kế - dự toán bổ sung		66.728.000	66.728.000
V	Chi phí khác	2.769.740.000	4.502.000.000	1.732.260.000
1	Chi phí kiểm toán			
	<i>Chi phí kiểm toán không bao gồm công tác GPMB</i>	546.444.000	546.444.000	
	<i>Chi phí kiểm toán phần GPMB</i>	82.024.000	82.024.000	
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán			
	<i>Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán không bao gồm chi phí GPMB</i>	163.815.000	163.815.000	
	<i>Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán phần GPMB</i>	24.589.000	24.589.000	
3	Chi phí bảo hiểm công trình			
	<i>Phần đường</i>	124.783.000	104.737.000	-20.046.000
	<i>Phần cầu</i>	366.007.000	412.636.000	46.629.000
4	Chi phí rà phá bom mìn	232.519.000	232.519.000	
5	Chi phí hạng mục khác			
	<i>Chi phí đảm bảo ATGT trong quá trình thi công</i>	140.000.000	186.218.000	46.218.000
	<i>Chi phí đảm bảo an toàn giao thông đường thủy</i>	800.000.000	2.100.805.000	1.300.805.000
	<i>Chi phí đường dây, TBA phục vụ thi công</i>	220.705.000	573.301.000	352.596.000
6	Phí thẩm định dự án đầu tư	10.558.000	15.837.000	5.279.000
7	Chi phí kiểm tra của Cơ quan QLNN	58.296.000	58.994.000	698.000
VI	Chi phí dự phòng	23.149.898.000	12.940.721.000	-10.209.177.000
1	Dự phòng cho phát sinh khối lượng	19.044.382.000	8.835.204.952	-10.209.077.048
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá	4.105.516.000	4.105.516.000	
	TỔNG CỘNG	213.593.721.000	213.593.721.000	